

# THU HỢP KHOẢNG TRỐNG BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP TRƯỚC RỦI RO THIÊN TAI TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT

Nguyễn Trường Giang<sup>1</sup>

Email: ntgiang34@hou.edu.vn. ORCID: 0009-0002-9667-5485

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 16/02/2026

Ngày phản biện đánh giá: 17/04/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 14/05/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1259

**Tóm tắt:** Sự gia tăng cường độ và tần suất của các hiện tượng thời tiết của các hiện tượng thời tiết cực đoan đang đặt khu vực nông thôn Việt Nam trước những rủi ro tài chính hệ thống, làm lộ rõ sự đứt gãy giữa nhu cầu bảo vệ sinh kế và năng lực thực thi của thị trường bảo hiểm. Nghiên cứu này nhận diện một nghịch lý điển hình: trong khi ngành bảo hiểm phi nhân thọ nói chung có sự tăng trưởng mạnh mẽ, bảo hiểm nông nghiệp vẫn chỉ tồn tại ở mức độ thâm nhập khiêm tốn, dẫn đến một “khoảng trống bảo hiểm” lớn sau mỗi đợt thiên tai. Thông qua việc đánh giá các rào cản nội tại, bài viết chỉ ra rằng sự hạn chế về hạ tầng dữ liệu và quy trình giám định truyền thống chính là những điểm nghẽn ngăn trở sự phát triển bền vững. Tác giả đưa ra các ý kiến, luận điểm và giải pháp nhằm hoàn thiện cấu trúc mô hình hợp tác công-tư (PPP), vận dụng kinh nghiệm từ các quốc gia thành công trên thế giới. Ngoài ra, bài viết nhấn mạnh giải pháp tích hợp hệ sinh thái InsurTech, đặc biệt là bảo hiểm dựa trên chỉ số thời tiết và công nghệ Blockchain, như một phương thức cốt lõi để minh bạch hóa quy trình bồi thường. Đây là những đóng góp về mặt ý kiến và giải pháp nhằm xây dựng một cơ chế hoạt động mới, đảm bảo nông thôn tự cường, góp phần đảm bảo an sinh xã hội trước biến đổi khí hậu.

**Từ khóa:** bảo hiểm nông nghiệp, hợp tác công-tư, hệ sinh thái, phát triển bền vững

## I. Đặt vấn đề

Do đặc thù địa lý nằm trong khu vực vành đai nhiệt đới với đường bờ biển trải dài, Việt Nam luôn nằm trong nhóm các quốc gia chịu ảnh hưởng tiêu cực nhất từ biến đổi khí hậu toàn cầu. Trong giai đoạn 2021-2026, các hình thái thời tiết cực đoan như siêu bão, hạn hán diện rộng và xâm

nhập mặn đã chuyển dịch từ những hiện tượng mang tính chu kỳ sang thách thức mang tính thường trực. Minh chứng rõ nét nhất là năm 2025, khi thiên tai đã gây ra tổn thất kinh tế khổng lồ vượt mức 104.000 tỷ đồng, tương đương khoảng 0,8% GDP cả nước (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2026; Ngân hàng Thế giới, 2023).

<sup>1</sup> Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

Trong đó, nông nghiệp là lĩnh vực chịu tổn thương sâu sắc nhất với hơn 334.000 ha lúa cùng gần 90.000 ha hoa màu bị hủy hoại, đe dọa trực tiếp đến sinh kế bền vững của cộng đồng nông thôn.

Bảo hiểm nông nghiệp được định vị là công cụ điều tiết tài chính cốt lõi trong chiến lược tăng trưởng bền vững, góp phần bảo vệ sinh kế và duy trì ổn định xã hội cho cộng đồng nông thôn với quy mô trên 9 triệu hộ nông dân. Tuy nhiên, thực tế triển khai đang phơi bày một “khoảng trống bảo hiểm” đáng báo động. Mặc dù tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường năm 2025 đạt con số ấn tượng 239.636 tỷ đồng, tỷ lệ phí bảo hiểm nông nghiệp lại chiếm một tỷ trọng vô cùng khiêm tốn. Sự rời rạc giữa nhu cầu bảo vệ thực tế của nông dân và các loại sản phẩm đưa ra thị trường đã tạo nên một nghịch lý: người dân cần được bảo vệ nhất lại là đối tượng ít được bảo hiểm nhất.

Nhìn rộng ra thế giới, các quốc gia như Nhật Bản đã biến Bảo hiểm nông nghiệp thành một hệ thống an sinh xã hội tự động hóa cao, nơi các hiệp hội tương hỗ nông nghiệp đóng vai trò điều phối chính, giúp tỷ lệ bao phủ các cây trồng chủ lực đạt mức gần như tuyệt đối. Tại Nhật, việc bồi thường dựa trên chỉ số thời tiết đã giúp cắt giảm tối đa chi phí hành chính và đẩy nhanh tốc độ phục hồi sau thiên tai. Việt Nam, trong nỗ lực hiện thực hóa mục tiêu chiến lược đưa tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm đạt mức 3,5% GDP vào năm 2030, cần có những bước đi đột phá để xóa bỏ các rào cản hiện hữu. Bài báo này sẽ phân tích các rào cản này và đóng góp ý kiến, giải pháp để hoàn thiện cấu trúc mô hình quản trị và áp dụng khoa học kỹ thuật hiện đại, qua đó đưa bảo hiểm thực sự trở thành “tấm lá chắn” cho nông nghiệp Việt Nam.

## II. Cơ sở lý thuyết

### 2.1. Cơ sở lý thuyết về quản trị rủi ro thiên tai và khoảng trống bảo hiểm

Nghiên cứu được tiếp cận dựa trên khung lý thuyết về bảo hiểm bền vững và quản trị rủi ro tài chính thiên tai (Iturrioz, 2009). Khoảng trống bảo hiểm được định nghĩa là phần tổn thất kinh tế không được chi trả bởi bảo hiểm. Trong nông nghiệp, khoảng trống này phát sinh do ba nhóm nguyên nhân chính: thông tin bất đối xứng (rủi ro đạo đức), chi phí giao dịch cao và rủi ro hệ thống vượt quá khả năng chi trả của doanh nghiệp bảo hiểm.

### 2.2. Tổng quan nghiên cứu và mô hình PPP

Các công trình quốc tế của Mahul & Stutley (2010) đã xây dựng nền tảng cho việc Chính phủ hỗ trợ BHN thông qua cơ chế tái bảo hiểm và hỗ trợ phí. Tại Việt Nam, các nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung vào đánh giá sự hài lòng của nông dân hoặc mô tả thực trạng các đợt thí điểm. Tuy nhiên, sự kết hợp giữa mô hình PPP với hệ sinh thái InsurTech (như Blockchain và dữ liệu vệ tinh) vẫn là một khoảng trống lý luận chưa được khai thác sâu.

### 2.3. Khoảng trống nghiên cứu

Bài báo này hướng tới việc khỏa lấp khoảng trống nghiên cứu bằng cách không chỉ dừng lại ở mô tả thực trạng, mà xây dựng một khung phân tích tích hợp công nghệ vào cấu trúc quản trị PPP. Nghiên cứu tập trung vào việc chuyển dịch vai trò của Nhà nước từ hỗ trợ phí trực tiếp sang đầu tư hạ tầng dữ liệu mở để doanh nghiệp bảo hiểm có thể vận hành các sản phẩm bảo hiểm chỉ số hiệu quả hơn.

### III. Phương pháp nghiên cứu

#### 3.1. Khung phân tích và tiêu chí đánh giá

Tác giả xây dựng khung phân tích đa chiều dựa trên 04 trụ cột đánh giá rào cản hệ thống (Hair và cộng sự, 2010):

Hạ tầng dữ liệu (Data Infrastructure): Đánh giá tính sẵn có và độ chính xác của dữ liệu khí tượng lịch sử.

Cơ chế vận hành (Operational Mechanism): Phân tích quy trình giám định, bồi thường truyền thống so với bảo hiểm chỉ số.

Cấu trúc PPP (PPP Framework): Vai trò của Chính phủ trong việc hỗ trợ tái bảo hiểm và tạo lập thị trường.

Hành vi và niềm tin (Behavioral Finance): Đánh giá nhận thức rủi ro của nông dân và sự sẵn lòng chi trả.

#### 3.2. Thu thập và xử lý dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp giai đoạn 2015-2025 từ các nguồn chính thống:

Báo cáo thường niên của Bộ Tài chính về thị trường bảo hiểm.

Số liệu thiệt hại thiên tai từ Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn.

Các báo cáo chiến lược của Ngân hàng Thế giới (World Bank) và RIICE về bảo hiểm lúa gạo tại Việt Nam.

Các dữ liệu được xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả, so sánh đối chiếu và phân tích tình huống (case study) để minh chứng cho tính khả thi của giải pháp.

### IV. Kết quả và thảo luận

#### 4.1. Thực trạng thị trường bảo hiểm Việt Nam: Màu xanh tăng trưởng và những “nốt trầm” nông nghiệp

Bức tranh tổng quan của ngành bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2021-2025 phản

ánh một sự phân cực rõ nét giữa sự bứt phá mạnh mẽ của quy mô tài chính toàn ngành và sự đình trệ cục bộ của phân khúc bảo hiểm nông nghiệp (BHNN). Số liệu thực chứng đến hết năm 2025 cho thấy thị trường bảo hiểm đang ở trong giai đoạn bùng nổ về quy mô với tổng tài sản cán mốc 1.018 nghìn tỷ đồng. Đà tăng trưởng 9,77% của khối phi nhân thọ minh chứng cho sự trưởng thành trong nhận thức tài chính của xã hội; song, BHNN lại tồn tại như một ‘nốt trầm’ với tỷ lệ tham gia khiêm tốn. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cấp bách về việc tái định nghĩa mô hình phát triển bảo hiểm tại khu vực nông thôn, nơi nhu cầu bảo vệ sinh kế đang trở nên khẩn thiết hơn bao giờ hết trước các cú sốc thiên tai.

Mặc dù các công cụ hỗ trợ tài chính từ Nhà nước đã được thiết lập rất mạnh mẽ - với mức trợ giá phí bảo hiểm lên đến 90% theo các quy định cập nhật năm 2025, nhưng sự tương tác giữa bên cung và bên cầu trong bảo hiểm nông nghiệp vẫn chưa đạt được kỳ vọng. Tình trạng thiếu gắn kết giữa người sản xuất và đơn vị cung ứng dịch vụ đang trở thành nút thắt khiến các chính sách nhân văn này khó đi vào cuộc sống một cách sâu rộng. Tính đến quý I/2026, cả nước mới chỉ ghi nhận khoảng 16.700 hộ tham gia BHNN trên tổng số hơn 9 triệu hộ nông dân. Điều này tạo nên một nghịch lý lớn: trong khi thiên tai năm 2025 gây ra tổn thất kinh tế kinh hoàng lên đến 104.000 tỷ đồng (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2026), thì nguồn lực từ bảo hiểm lại gần như “vắng bóng” trong công tác khắc phục hậu quả. Khoảng trống bảo hiểm này buộc Nhà nước phải tiếp tục duy trì gánh nặng chi ngân sách khẩn cấp để hỗ trợ nông dân tái sản xuất,

thay vì vận hành cơ chế quản trị rủi ro tự động thông qua thị trường tài chính.

Khi đặt thực trạng này lên bàn cân so sánh với các quốc gia phát triển, chúng ta thấy một khoảng cách rất lớn về tư duy và hạ tầng vận hành. Tại Nhật Bản, BHNN được coi là một “lưới an sinh xã hội” bắt buộc đối với các cây trồng chiến lược. Hệ thống này được vận hành bởi mạng lưới các Hiệp hội tương hỗ nông nghiệp (NOSAI) sâu sát đến từng làng xã, giúp tỷ lệ bao phủ diện tích sản xuất đạt mức gần như tuyệt đối. Sự thành công của Nhật Bản nằm ở chỗ họ không chỉ hỗ trợ phí mà còn hỗ trợ về dữ liệu và kỹ thuật, giúp giảm thiểu rủi ro cho cả doanh nghiệp lẫn người dân. Ngược lại, tại Việt Nam, sự thiếu hụt cơ sở dữ liệu khí hậu lịch sử và thông tin bất đối xứng khiến các doanh nghiệp bảo hiểm tư nhân rơi vào tình trạng “khát thông tin” để định phí.

Những hạn chế nội tại của khu vực nông thôn, đặc biệt là quy mô sản xuất phân tán, đang gây ra những thách thức lớn trong việc tiếp cận và vận hành các sản phẩm bảo hiểm. Sự lệch lạc trong nhận thức khi xem bảo hiểm là gánh nặng tài chính thay vì giải pháp bảo an là một nút thắt tâm lý cần được tháo gỡ. Khác với các mô hình thành công trên thế giới vốn gắn chặt bảo hiểm với đòn bẩy tài chính ngân hàng, sự rời rạc của chuỗi liên kết Bảo hiểm - Tín dụng - Nông nghiệp tại Việt Nam đang làm chậm lộ trình hiện thực hóa mục tiêu thâm nhập thị trường 3,5% GDP như kế hoạch chiến lược đã đề ra.

Tóm lại, thực trạng BHNN Việt Nam giai đoạn 2021-2026 cho thấy một bức tranh “tiềm năng trên giấy” nhưng “bế tắc trong thực thi”. Sự chênh lệch giữa mức thiệt hại khổng lồ 104.000 tỷ đồng và

con số thâm nhập khiêm tốn của bảo hiểm chính là minh chứng về sự cần thiết của một cuộc cách mạng trong mô hình quản trị rủi ro nông thôn. Nếu không nhanh chóng thu hẹp khoảng trống này bằng các bài học từ Nhật Bản hay các giải pháp InsurTech hiện đại, nông nghiệp Việt Nam sẽ tiếp tục đứng trước nguy cơ bị tổn thương nghiêm trọng trước những biến động khắc nghiệt của biến đổi khí hậu trong tương lai.

#### **4.2. Những rào cản ngăn trở sự phát triển bền vững**

Sự đình trệ của thị trường bảo hiểm nông nghiệp (BHNN) tại Việt Nam không đơn thuần xuất phát từ các biến cố khách quan mà là hệ quả của một chuỗi rào cản mang tính hệ thống, tồn tại ở cả hai phía cung và cầu, cùng với sự đứt gãy trong hạ tầng kỹ thuật.

##### **4.2.1. Rào cản từ phía cung: Chi phí vận hành và rủi ro định phí**

Hiện nay, chi phí vận hành (operational costs) đang là rào cản hệ thống lớn nhất đối với các doanh nghiệp bảo hiểm nông nghiệp. Do đặc thù sản xuất manh mún và phân tán của nông nghiệp Việt Nam, việc duy trì mạng lưới phân phối và quy trình giám định tổn thất trực tiếp theo phương pháp truyền thống dẫn đến sự thâm dụng nguồn lực và kéo dài độ trễ trong xử lý bồi thường (Đặng Kim Khôi và cộng sự, 2017). Bên cạnh đó, sự thiếu hụt hệ thống dữ liệu khí hậu lịch sử và các định mức kỹ thuật đồng bộ khiến các doanh nghiệp thiếu cơ sở dữ liệu nền tảng để xây dựng mô hình định phí (pricing models) dựa trên xác suất thống kê. Hệ quả tất yếu là tình trạng bất đối xứng thông tin và khó khăn trong đo lường rủi ro đã buộc các tổ chức bảo hiểm phải áp dụng mức phí cao để bù đắp sai

số rủi ro (risk premium), từ đó tạo ra rào cản tài chính đối với khả năng tiếp cận của nông dân.

#### 4.2.2. Rào cản từ phía cầu: Tâm lý và nhận thức của người sản xuất

Đối với chủ thể sản xuất, rào cản cốt lõi xuất phát từ nhận thức về quản trị rủi ro tài chính còn hạn chế. Tâm lý thụ động và sự phụ thuộc vào các nguồn cứu trợ khẩn cấp từ ngân sách Nhà nước sau thiên tai đã làm giảm động lực tiếp cận bảo hiểm như một công cụ chuyển giao rủi ro chủ động. Thực trạng này trở nên nghiêm trọng hơn khi niềm tin của người sản xuất bị suy giảm do quy trình bồi thường phức tạp và độ trễ lớn trong công tác chi trả từ phía các doanh nghiệp bảo hiểm. Thay vì nhìn nhận phí bảo hiểm là một khoản chi phí đầu tư để bảo vệ sinh kế dài hạn, hộ nông dân có xu hướng coi đây là một khoản chi phí chìm (sunk cost). Sự thiếu kịp thời và tương xứng trong hỗ trợ tài chính sau các biến cố cực đoan – điển hình là đợt thiên tai năm 2025 với mức tổn thất ước tính 104.000 tỷ đồng - càng củng cố rào cản tâm lý này, gây khó khăn cho việc mở rộng tỷ lệ thâm nhập thị trường.

#### 4.2.3. Sự đứt gãy trong mô hình quản trị và hạ tầng kỹ thuật

Một rào cản mang tính cấu trúc là sự thiếu hụt cơ chế chia sẻ rủi ro đa tầng. Hiện nay, Việt Nam chưa có một quỹ tái bảo hiểm quốc gia đủ mạnh để đóng vai trò là “nhà bảo hiểm cuối cùng”, khiến các doanh nghiệp tư nhân phải đơn độc đối mặt với các rủi ro hệ thống quy mô lớn. Thêm vào đó, việc chậm trễ trong ứng dụng các giải pháp InsurTech như dữ liệu vệ tinh hay bảo hiểm chỉ số đã khiến quy trình bồi thường vẫn dậm chân tại chỗ ở mức độ thủ công, không đáp ứng được

tính khẩn cấp sau thiên tai. Chính những điểm nghẽn này đã ngăn cản BHNN thoát khỏi tình trạng thâm nhập thấp.

### 4.3. Giải pháp đột phá: Lộ trình công nghệ và quy trình mới

#### 4.3.1. Tái cấu trúc mô hình hợp tác công - tư (PPP) theo chuẩn quốc tế

Mô hình PPP cần được nhìn nhận là hạt nhân trong quản trị rủi ro hệ thống, nơi Nhà nước và doanh nghiệp cùng chia sẻ trách nhiệm để khắc phục những rào cản kinh tế thị trường (Nguyễn, H., 2015). Để tối ưu hóa hiệu quả thực thi tại Việt Nam, công tác tái cấu trúc cần được cụ thể hóa thông qua các trụ cột giải pháp dưới đây:

Thứ nhất, việc xác lập quỹ tái bảo hiểm quốc gia đóng vai trò quan trọng trong quản trị hệ thống, giúp san sẻ gánh nặng tài chính vượt mức cho thị trường. Thực tiễn thiệt hại khổng lồ trị giá 104.000 tỷ đồng vào năm 2025 cho thấy nếu thiếu đi sự bảo trợ và cam kết chi trả của Chính phủ, các doanh nghiệp bảo hiểm khó có thể duy trì năng lực tài chính trước những cú sốc hệ thống khốc liệt.

Thứ hai, hỗ trợ phí bảo hiểm mục tiêu: Thay vì hỗ trợ dàn trải, Chính phủ cần duy trì mức hỗ trợ phí cao (lên tới 90%) cho các đối tượng yếu thế như hộ nghèo, hộ cận nghèo. Điều này vừa đảm bảo an sinh xã hội, vừa tạo ra “quy mô đủ lớn” (Law of Large Numbers) để các doanh nghiệp bảo hiểm có thể định phí rủi ro ổn định hơn.

Thứ ba, xây dựng hạ tầng dữ liệu mở (Open Data Infrastructure): Nhà nước đầu tư vào hệ thống quan trắc, vệ tinh và số hóa dữ liệu khí hậu lịch sử 30 năm. Việc cung cấp “hàng hóa công cộng” này giúp doanh nghiệp giảm chi phí nghiên cứu và

xây dựng các mô hình định phí chính xác cho từng khu vực địa lý.

Từ sự phân tích trên, lộ trình phát triển bảo hiểm nông nghiệp theo mô hình PPP tại Việt Nam giai đoạn 2026-2030 không chỉ dừng lại ở việc gia tăng mức hỗ trợ phí bảo hiểm, mà cần được triển khai theo hướng đồng bộ hóa giữa dữ liệu mở, công nghệ số và cơ chế liên kết hợp tác xã nhằm nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro, giảm bất cân xứng thông tin và mở rộng khả năng tiếp cận của nông hộ đối với sản phẩm bảo hiểm. Việc chuyển đổi sang bảo hiểm dựa trên chỉ số thời tiết, kết hợp với công nghệ bồi thường tự động, sẽ giúp bảo vệ hiệu quả diện tích 334.000 ha lúa và 90.000 ha hoa màu trước biến đổi khí hậu (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2026). Chỉ khi có sự gắn kết logic này, bảo hiểm nông nghiệp mới thoát khỏi tình trạng “nốt trầm” để thực sự trở thành công cụ thúc đẩy phát triển bền vững.

#### 4.3.2. Chuyển đổi sang bảo hiểm dựa trên chỉ số và hệ sinh thái InsurTech

Giải pháp trọng tâm để tối ưu hóa chi phí vận hành và kiểm soát rủi ro đạo đức (moral hazard) là chuyển đổi từ quy trình giám định tổn thất truyền thống sang mô hình bảo hiểm dựa trên chỉ số (Index-based Insurance).

Thứ nhất, về ứng dụng công nghệ viễn thám và dữ liệu vệ tinh: Dựa trên kinh nghiệm từ chương trình PMFBY của Ấn Độ, Việt Nam cần ưu tiên đầu tư hạ tầng quan trắc vệ tinh nhằm theo dõi biến động của chỉ số thực vật (NDVI) và độ ẩm đất. Phương thức này cho phép xác định mức độ thiệt hại một cách khách quan trên quy mô diện rộng, loại bỏ các sai số do can thiệp chủ quan. Khả năng xử lý dữ liệu tập trung sẽ giúp thực hiện bồi thường

hiệu quả cho diện tích canh tác lớn (ước tính khoảng 334.000 ha lúa và 90.000 ha hoa màu) trong thời gian tối ưu.

Thứ hai, về tự động hóa thông qua công nghệ Blockchain và hợp đồng thông minh (Smart Contract): Các cam kết bồi thường cần được mã hóa dưới dạng hợp đồng thông minh nhằm đảm bảo tính minh bạch và tự thực thi. Ngay khi dữ liệu khí tượng từ các trạm quan trắc chuẩn hóa đạt ngưỡng kích hoạt (trigger), hệ thống sẽ tự động thực hiện quy trình giải ngân trực tiếp vào tài khoản của bên được bảo hiểm thông qua ví điện tử. Cơ chế này không chỉ loại bỏ các thủ tục hành chính phức tạp mà còn góp phần củng cố niềm tin của hộ sản xuất đối với hệ thống tài chính trung gian

#### 4.3.3. Xây dựng hạ tầng dữ liệu khí hậu mở (Open Data)

Vai trò kiến tạo của Nhà nước thông qua việc cung cấp ‘hàng hóa công cộng’ là hệ thống dữ liệu số hóa chính là chìa khóa thành công được rút ra từ các nền kinh tế phát triển.

Thứ nhất, số hóa và công khai dữ liệu khí hậu: Chính phủ cần công khai hóa dữ liệu khí tượng thủy văn lịch sử 30 năm và dữ liệu dịch bệnh nông nghiệp dưới dạng dữ liệu mở.

Thứ hai, cơ sở cho việc định phí khoa học: Đây là “nguyên liệu” cốt lõi để các doanh nghiệp bảo hiểm xây dựng các mô hình định phí (Pricing) chính xác, từ đó đưa ra các gói sản phẩm cạnh tranh, sát thực tế địa phương và giảm thiểu rủi ro cho quỹ bảo hiểm..

Tóm lại, việc thiết lập lộ trình công nghệ và quy trình vận hành mới không chỉ là sự nâng cấp về mặt kỹ thuật, mà còn đại diện cho sự chuyển đổi trong tư duy quản trị rủi ro nông nghiệp. Sự kết hợp giữa mô

hình PPP cải tiến và hệ sinh thái InsurTech được kỳ vọng sẽ giải quyết triệt để các rào cản về chi phí vận hành và niềm tin thị trường. Trong cấu trúc này, Nhà nước giữ vai trò kiến tạo hạ tầng dữ liệu và thiết lập mạng lưới tái bảo hiểm quốc gia; các doanh nghiệp bảo hiểm đóng góp năng lực thực thi công nghệ; và các hợp tác xã đóng vai trò là đơn vị trung gian kết nối cộng đồng. Khi quy trình bồi thường được minh bạch hóa và tự động hóa, bảo hiểm nông nghiệp sẽ chuyển đổi từ một khoản chi phí tài chính thuần túy thành công cụ quản trị rủi ro hữu hiệu. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp này là lộ trình cần thiết để hiện thực hóa mục tiêu thâm nhập bảo hiểm đạt mức 3,5% GDP. Đây là bước đi chiến lược nhằm xây dựng mạng lưới an sinh nông thôn bền vững, góp phần bảo vệ sinh kế của người sản xuất trước các rủi ro phi truyền thống từ biến đổi khí hậu.

## V. Kết luận

Nghiên cứu khẳng định một nghịch lý sâu sắc: trong khi ngành bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam tăng trưởng ổn định ở mức 9,77%, bảo hiểm nông nghiệp vẫn là một “khoảng trống” lớn trước những tổn thất thiên tai khốc liệt, điển hình là con số thiệt hại 104.000 tỷ đồng vào năm 2025. Thực trạng thâm nhập thấp không chỉ do rào cản địa lý mà còn từ sự đứt gãy trong hạ tầng dữ liệu và quy trình giám định thủ công lạc hậu.

Giải pháp chủ đạo được đề xuất là tái cấu trúc mô hình hợp tác công-tư (PPP) theo hướng chuẩn hóa quốc tế. Trong đó, việc thiết lập quỹ tái bảo hiểm quốc gia và nâng tầm hợp tác xã thành mắt xích điều phối trung gian là những bước đi mang tính quyết định để san sẻ rủi ro hệ thống và gắn kết niềm tin với nông dân. Song song đó, ứng dụng InsurTech-trọng

tâm là bảo hiểm dựa trên chỉ số thời tiết và Blockchain-chính là “chìa khóa” để tự động hóa quy trình bồi thường, triệt tiêu rủi ro đạo đức và chi phí vận hành.

Tóm lại, việc đồng bộ hóa mô hình PPP và công nghệ số là lộ trình tất yếu để hiện thực hóa mục tiêu thâm nhập bảo hiểm 3,5% GDP vào năm 2030. Sự kết hợp này tạo ra trạng thái cân bằng giữa các chỉ tiêu phát triển ngành và trách nhiệm an sinh dài hạn, góp phần định hình nền nông nghiệp có khả năng chống chịu cao trước những biến động phi truyền thống của môi trường toàn cầu.

## Tài liệu tham khảo

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (2026). *Đánh giá tác động của thiên tai năm 2025 đối với sinh kế nông thôn và giải pháp phục hồi*. NXB Nông nghiệp.
- Đặng Kim Khôi, Nguyễn Thị Kim Anh, Thái Văn Tinh, & Đỗ Huy Thiệp. (2017). Phát triển bảo hiểm nông nghiệp – Bài học từ Chương trình thí điểm bảo hiểm nông nghiệp quốc gia 2011–2013. *Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*, (21), 1–3.
- Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., & Anderson, R. E. (2010). *Multivariate data analysis* (7th ed.). Pearson Prentice Hall.
- Hazell, P., Anderson, J., Balzer, C., Clemmensen, A. H., Ulrich, H., & Kloeppinger-Todd, R. (2010). *Potential for scale and sustainability in weather index insurance for agriculture and rural livelihoods*. World Bank.
- Iturrioz, R. (2009). *Agricultural insurance*. World Bank.
- Mahul, O., & Stutley, C. J. (2010). *Government support to agricultural insurance: Challenges and options for developing countries*. World Bank Publications. <https://doi.org/10.1596/978-0-8213-8217-2>

- Ngân hàng Thế giới (World Bank). (2023). *Báo cáo quốc gia về khí hậu và phát triển cho Việt Nam (CCDR)*. World Bank Group. <https://www.worldbank.org/vi/country/Vietnam/publication/Vietnam-country-climate-and-development-report>
- Nguyễn, H. (2015). Kích bảo hiểm nông nghiệp bằng mô hình PPP. *Báo Đầu tư*. <https://baodautu.vn/kich-bao-hiem-nong-nghiep-bang-mo-hinh-ppp-d33794.html>
- Trần Đăng Khoa. (2025). Tác động của kinh tế số đến năng suất và phát triển bền vững trong nông nghiệp Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, 5A(12), 45–58.
- Viện Chiến lược, Chính sách Nông nghiệp và Môi trường. (2015). *Liên kết công tư (PPP): Hướng đi mới cho bảo hiểm nông nghiệp*.

## NARROWING THE AGRICULTURAL INSURANCE GAP IN THE FACE OF NATURAL DISASTER RISKS IN VIETNAM: CURRENT SITUATION AND RECOMMENDATIONS

Nguyen Truong Giang<sup>1</sup>

**Abstract:** *The intensifying severity of extreme weather events is exposing rural Vietnam to systemic financial risks, highlighting a significant disconnect between livelihood protection needs and the operational capacity of the insurance market. This study identifies a distinctive paradox: while the non-life insurance sector as a whole maintains robust growth, agricultural insurance remains at a modest penetration level, resulting in a substantial “insurance gap” following natural disasters. By evaluating internal barriers, the article indicates that limited data infrastructure and traditional loss adjustment processes are the primary bottlenecks hindering sustainable development. The author focuses on presenting arguments and solutions to refine the structure of the Public-Private Partnership (PPP) model, drawing inspiration from successful global economies to redefine the roles of the State and intermediary organizations. Furthermore, the paper emphasizes the integration of the InsurTech ecosystem—particularly index-based weather insurance and Blockchain technology—as a core method for enhancing the transparency of the claims settlement process. These contributions offer insights and solutions for building a resilient rural risk management mechanism, thereby contributing to social security in the face of climate change.*

**Keywords:** *agricultural insurance, public-private partnership, ecosystem, sustainable development*

---

<sup>1</sup> Hanoi Open University, Hanoi, Vietnam